

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm²

- Nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT).

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: KHÔNG YÊU CẦU

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: KHÔNG YÊU CẦU

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

² Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
 - Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
 - Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
 - Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
 - Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
 - Tiến độ cung cấp hàng hóa;
 - Yếu tố thân thiện môi trường;
 - Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
 - Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|--|--|---------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (không yêu cầu đối với vật tư, phụ kiện). | - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| 2.1. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức sản xuất, cung cấp, bàn giao hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế; Nhà thầu phải trình bày sơ đồ tổ chức quản lý của Nhà thầu tại Văn phòng và cung cấp, lắp đặt thiết bị/hàng hóa tại công trường. Nêu rõ vị trí/nhiệm vụ/chức năng của các cán bộ kỹ thuật phụ trách. | Đạt |
| | Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức sản xuất, cung cấp, bàn giao hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế; hoặc không có cam kết cung cấp đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu. | Không đạt |
| 2.2. Thuyết minh biện pháp tổ chức thực hiện | - Có văn bản cam kết giao hàng theo yêu cầu cụ thể của Chủ đầu tư kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian giao hàng bao gồm kể cả ngày nghỉ, lễ, tết. - Có văn bản cam kết: Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ cung cấp các tài liệu chứng minh nguồn cung hàng hóa của Nhà thầu là ổn định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì | | |
| Bảo hành, bảo trì: Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. | - Thời gian bảo hành như sau: + Đối với thiết bị: Đèn Led \geq 60 tháng, Màn hình \geq 24 tháng (hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất nhưng không ngắn hơn yêu cầu nêu trên). + Đối với các thiết bị khác: \geq 12 tháng hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng. | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|--|--|----------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất, thuyết minh kế hoạch cụ thể theo quy định. - Nhà thầu phải có cam kết: Trường hợp Nhà thầu giao hàng không đáp ứng yêu cầu, Nhà thầu có trách nhiệm đổi 01 đổi 01 trong vòng 04 (bốn) giờ kể từ lúc nhận được thông báo của Chủ đầu tư. | |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | | |
| Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch/năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; khả năng lắp đặt thiết bị, hàng hoá. Có đề xuất, thuyết minh kế hoạch cụ thể theo quy định. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | | |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường. | Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, đảm bảo thích ứng và đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định của Pháp luật. | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết, hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung theo yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết | | |
| Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết | Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý (nếu có). Nhà thầu phải có cam kết. | Đạt |
| | Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường, hoặc không đề xuất được biện pháp giải quyết, hoặc không có cam kết. | Không đạt |
| 7. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng | | |
| Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện thương mại: Nhà thầu phải có cam kết cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu của E-HSMT trong mọi điều kiện. Tất cả các sản phẩm hàng hóa nhà thầu cung cấp hợp pháp theo quy định của pháp luật, Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về hàng hóa cung cấp. - Có thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|--|---|---------------|
| | Không có cam kết, hoặc thời gian thực hiện, đào tạo, chuyên giao công nghệ không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | Không đạt |
| 8. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Thời gian thực hiện hợp đồng, Tiến độ cung cấp hàng hóa | <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng không quá 21 ngày. - Nhà thầu phải có bản cam kết tiến độ cung cấp, lập đặt như sau: Cam kết 21 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng Nhà thầu giao hoàn thành số lượng từng loại hàng hóa đạt yêu cầu, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Ngày thứ 5 kể từ ngày ký kết hợp đồng Nhà thầu phải giao hoàn thành 30% số lượng từng loại hàng hóa đạt yêu cầu. + Ngày thứ 10 kể từ ngày ký kết hợp đồng Nhà thầu phải giao hoàn thành 60% số lượng từng loại hàng hóa đạt yêu cầu. + Ngày thứ 15 kể từ ngày ký kết hợp đồng Nhà thầu phải giao hoàn thành 100% số lượng từng loại hàng hóa đạt yêu cầu. + Ngày thứ 16 đến ngày thứ 21 kể từ ngày ký kết hợp đồng Nhà thầu phải lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán hoàn chỉnh trình Chủ đầu tư. - Nhà thầu phải có cam kết: <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư (bằng văn bản, fax, điện thoại, email ...). + Trong trường hợp khẩn cấp hoặc đột xuất, Nhà thầu phải giao hàng không quá 08 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu từ Chủ đầu tư. Nếu nhà thầu không cung ứng đủ hàng hóa và đúng thời gian theo quy định sẽ bị xử phạt theo quy định của Hợp đồng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các một trong các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 9. Yếu tố thân thiện môi trường | | |
| Yếu tố thân thiện môi trường | Nhà thầu phải có bản cam kết hàng hóa cung cấp thân thiện môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe. | Đạt |
| | Không có cam kết, hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 10. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có). | | |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|--|---|------------------|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Nhà thầu không vi phạm quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025, hoặc có nhưng nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 3 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. | Đạt |
| <i>Nhà thầu kèm theo E-HSĐT bản cam kết. Nhà thầu cam kết một cách trung thực, trường hợp phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</i> | Nhà thầu có vi phạm quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 nhưng không thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 3 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có): Không được phép.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không áp dụng.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.